

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 283/2022/DS-PT
Ngày: 23-11-2022
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Ngẫu

Các Thẩm phán: 1. Bà Phạm Thị Hồng Vân;

2. Ông Phan Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phở - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Mộng Thúy - Kiểm sát viên.

Trong 02 ngày 11 và 23 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý 304/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2022/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân N, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 306/2022/QĐXXPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 1970.

Địa chỉ cư trú: số 32, ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị L: anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1983.

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 22-10-2022). Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Linh: anh **Nguyễn Văn T** - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV P thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Bị đơn: anh **Đoàn Ngọc V**, sinh năm 1978.

Địa chỉ cư trú: số 4/1 hẻm 5, khu phố B, phường H, thành phố N, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Mỹ L và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ngày 18-8-2019, bà L cho ông V vay số tiền nợ gốc 610.000.000 đồng, có làm giấy, không thỏa thuận lãi suất, không ghi thời hạn trả nợ, không có thế chấp tài sản, không giao giấy tờ làm tin. Giấy nợ do ông V lập thành 01 bản chính giao cho bà L giữ. Từ ngày vay tiền cho đến ngày 28-12-2019, ông V đã trả được 149.000.000 đồng tiền nợ gốc, không có trả tiền lãi; sau đó ngưng không trả nữa. Mỗi lần nhận tiền của ông V, bà có ghi vào sổ theo dõi.

Bà L không chuyển giao quyền đòi nợ ông V cho ông P và cũng không biết ông P, ông D là ai. Bản chính giấy xác nhận nợ ngày 18-8-2019, ngày 31-12-2019 do ông V nộp cho Tòa án là do ông V tự viết, bà không chấp nhận. Nay bà L yêu cầu ông V trả số tiền nợ gốc là 461.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này theo mức lãi suất 20%/năm, kể từ ngày 01-01-2020 dương lịch cho đến ngày Tòa án xét xử.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn ông Đoàn Ngọc V trình bày:

Ông vay tiền của bà L 03 lần, các lần vay không nhớ rõ thời gian, số tiền cụ thể, nhưng ông xác định tổng số tiền nợ gốc khoảng 350.000.000 đồng; mỗi lần vay tiền đều được ghi vào sổ nợ của bà L, ông không giữ giấy tờ. Ông xác nhận giấy nợ bản chính ngày 18-8-2019 do bà L cung cấp cho Tòa án với nội dung ông mượn của bà L số tiền 610.000.000 đồng là do ông viết, ký tên. Giấy nợ này được lập thành 02 bản chính đều giao cho bà L giữ. Khi vay các bên thỏa thuận miệng lãi suất từ 5% đến 6%/tháng. Ông đã trả tiền góp cho bà L được hơn 300.000.000 đồng, mỗi lần trả tiền góp không có giấy tờ biên nhận.

Sau đó, bà L có chuyển giao khoản nợ này cho một người tên P (không rõ họ tên, địa chỉ) được quyền thu nợ của ông V. Khoảng tháng 9-2020 ông P có đi cùng với một người tên Lê Hải D (không rõ nhân thân, địa chỉ) đến nhà bà Võ Nguyễn Quế P (chị vợ của ông V) để đòi số tiền 170.000.000 ông V nợ bà L; bà P đã trả số tiền nợ 170.000.000 đồng, ông P đã trả lại cho ông V bản chính giấy nợ. Hiện nay ông không biết họ tên, địa chỉ cụ thể của ông P, ông D nên không cung cấp thông tin cho Tòa án được. Ông V xác định không còn nợ khoản tiền nào của bà L nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

Quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng bà Võ Nguyễn Quế P trình bày:

Bà là chị vợ của ông V, có biết ông V vay tiền của bà L hơn 600.000.000 đồng; ông V có viết 01 bản chính giấy nợ giao cho bà L giữ và đã trả góp cho bà L được một số tiền, không biết cụ thể bao nhiêu. Ngày 07-9-2020, bà có giao cho ông P, ông Lê Hải D số tiền 170.000.000 đồng, có biên nhận giao tiền, ông D ký tên; đây là số tiền ông V vay của bà để trả nợ cho bà L. Ông P có giao bản chính giấy nợ cho ông V, sau đó bà đã giao lại cho ông V giữ. Hiện nay bà không biết họ tên, địa chỉ cụ thể của ông P, ông D để cung cấp cho Tòa án. Bà không tranh chấp gì trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng ông Dương Văn M trình bày: Ông chung sống với bà L như vợ chồng; ông xác định ông V có vay tiền của bà L 610.000.000 đồng, số tiền này là tài sản riêng của bà L. Bà L không chuyển giao nợ cho ông P như lời trình bày của ông V.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm 87/2022/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân N, tỉnh Tây Ninh, căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ L về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với ông Đoàn Ngọc V.

Buộc ông Đoàn Ngọc V có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ L tổng số tiền 581.244.000 (*Năm trăm tám mươi một triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn*) đồng; trong đó số tiền gốc là 461.000.000 (*Bốn trăm sáu mươi một triệu*) đồng, tiền lãi là 120.244.000 (*Một trăm hai mươi triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn*) đồng.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18-8-2022, bị đơn anh Đoàn Ngọc V có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm số 87/2022/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân N, tỉnh Tây Ninh với lý do: anh đã thanh toán đủ số tiền nợ giữa anh với chị L và yêu cầu làm rõ những giấy nợ giữa anh với chị L; làm rõ kết luận giám định của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày ý kiến: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Đoàn Ngọc V; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn, ông Đoàn Ngọc V trình bày ý kiến: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Đoàn Ngọc V; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Mỹ L thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn, ông Đoàn Ngọc V có mặt tại phiên tòa không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự, tự bỏ ra khỏi phòng xét xử, không tham dự phiên tòa; không rõ lý do.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Đoàn Ngọc V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án nhân dân N, tỉnh Tây Ninh xét xử vụ án và tuyên án ngày 10-8-2022; ngày 18-8-2022, bị đơn Đoàn Ngọc V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đơn kháng cáo của bị đơn Đoàn Ngọc V hợp lệ, phù hợp với quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 11-11-2022, tại phần tranh tụng, phần hỏi của Hội đồng xét xử, bị đơn Đoàn Ngọc V tự bỏ ra về, không tham gia phiên tòa, không rõ lý do. Hội đồng xét xử tạm dừng phiên tòa để xác định lý do không tiếp tục tham gia phần tranh tụng tại phiên tòa của bị đơn Đoàn Ngọc V. Ngày 23-11-2022, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án, có triệu tập bị đơn Đoàn Ngọc V, nhưng bị đơn Đoàn Ngọc V vắng mặt. Việc bị đơn Đoàn Ngọc V tự bỏ ra về, không tiếp tục tham gia phiên tòa là từ bỏ quyền tranh tụng của bị đơn tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn, thấy rằng.

[3.1] Nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ L trình bày có cho ông V vay số tiền nợ gốc là 610.000.000 đồng vào ngày 18-8-2019, có làm giấy, do ông V viết và ký tên. Bị đơn Đoàn Ngọc V thừa nhận có viết và ký tên vào giấy nợ ngày 18-8-2019 có nội dung ông V vay của bà L số tiền 610.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong số tiền này có khoản 350.000.000 đồng tiền vay gốc, số còn lại là tiền lãi; ông viết giấy nợ này là do bà L ép ông viết; giấy nợ này được lập thành 02 bản nội dung giống nhau, do bà L giữ cả 02 bản. Bà L không thừa nhận lời trình bày của ông V, ông V không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ.

Do đó có đủ căn cứ xác định, vào ngày 18-8-2019 ông Đoàn Ngọc V có vay của bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền gốc là 610.000.000 đồng.

[3.2] Bà L trình bày ông V đã trả được số tiền gốc 149.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền vay gốc là 461.000.000.000 đồng; bà yêu cầu ông V trả lại 461.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này theo mức lãi suất 20%/năm, kể từ ngày 01-01-2020 dương lịch cho đến ngày Tòa án xét xử. Ông V trình bày đã trả xong tiền gốc và tiền lãi cho bà L, do đó không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà L.

Xét thấy, lời trình bày của ông V có viết giấy nợ số tiền 610.000.000 đồng, đã trả được hơn 300.000.000 đồng, lần sau cùng trả 170.000.000 đồng do ông Lê Hải D ký nhận tiền vào ngày 07-9-2020; như vậy theo lời trình bày này của ông V thì tổng số tiền gốc ông Vinh đã trả cho bà Linh khoản hơn 470.000.000 đồng là không phù hợp với tổng số tiền ông V vay số tiền 610.000.000 đồng của bà L.

[3.3] Ông V trình bày, bà L đã chuyển giao quyền đòi nợ cho ông P, bà L không thừa nhận. Ông V không cung cấp được địa chỉ, họ tên cụ thể của ông P, ông D để đối chất làm rõ; mặt khác nội dung các file ghi âm ông V cung cấp cho Tòa án không thể hiện được việc bà L chuyển giao nợ cho ông P.

[3.4] Tại cấp sơ thẩm, theo yêu cầu của ông V, Tòa án cấp sơ thẩm đã trưng cầu giám định chất liệu giấy, chữ số, chữ viết trong bản chính giấy biên nhận nợ do ông V cung cấp cho Tòa án vào ngày 11-01-2022 so với giấy biên nhận nợ ngày 18-8-2019 do bà L cung cấp. Tại Kết luận giám định số 3864/KL-KTHS ngày 19-7-2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận đối với giấy biên nhận nợ do ông V cung cấp ngày 11-01-2022: *“Chữ viết nội dung bắt đầu bằng các từ “Ngày 25/6/2019 chị đưa em.....100.000.000 triệu” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Mỹ L tên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là không phải do cùng một người viết ra.*

Không đủ cơ sở kết luận chất liệu giấy của tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chất liệu giấy của tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là có phải cùng một loại giấy hay không”.

[3.5] Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở xác định số tiền vay gốc ông V còn nợ bà L là 461.000.000 đồng.

[3.6] Về tiền lãi

Tại giấy nợ ngày 18-8-2019 do bà L cung cấp không thể hiện lãi suất cho vay, thời hạn trả nợ, chỉ thể hiện số tiền vay gốc 600.000.000 đồng. Ông V trình bày có thỏa thuận miệng lãi suất 5-6%/tháng nhưng không có chứng cứ chứng minh. Tại đơn khởi kiện và lời khai của bà L trong quá trình giải quyết vụ án, bà L trình bày từ ngày vay đến ngày 18-12-2019 ông V chỉ trả tiền gốc được 149.000.000 đồng, riêng tiền lãi ông V chưa trả được số tiền nào. Như vậy, có căn cứ xác định hợp đồng vay tiền ngày 18-8-2019 giữa bà L và ông V là hợp đồng vay có lãi, không kỳ hạn. Do các bên có tranh chấp về mức lãi suất, nên lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; bà L yêu cầu ông V trả tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm là không phù hợp.

Bà L yêu cầu Ông V trả tiền lãi từ ngày 01-01-2020 là đã giảm bớt thời gian trả tiền lãi mà ông V phải trả cho bà L, cấp sơ thẩm chấp nhận thời điểm tính tiền lãi từ ngày 01-01-2022 theo yêu cầu của bà L là có căn cứ, đúng pháp luật và buộc ông V trả tiền lãi cho bà L theo mức lãi suất 10%/năm là phù hợp.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10-8-2022) là 02 năm 07 tháng 09 ngày, số tiền lãi ông V phải trả cho bà L là 641.000.000 đồng x 10%/năm x 02 năm 07 tháng 09 ngày = 120.244.000 đồng (làm tròn số).

[3.7] Như vậy, tổng số tiền gốc và tiền lãi ông V phải trả cho bà L là 461.000.000 + 120.244.000 đồng = 581.244.000 đồng.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ L, buộc ông Đoàn Ngọc V trả cho bà L số tiền gốc và tiền lãi tổng cộng 581.244.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Ông V kháng cáo, không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên không có căn cứ chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Đoàn Ngọc; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận và giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên bị đơn Đoàn Ngọc V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đoàn Ngọc V

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 87/2022/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân N, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 147; 148; 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ L đối với ông Đoàn Ngọc V về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Buộc ông Đoàn Ngọc V trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ L tổng số tiền gốc và tiền lãi là 581.244.000 (năm trăm tám mươi một triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng. Trong đó: tiền gốc là 461.000.000 đồng, tiền lãi là 120.244.0000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí giám định: Ông Đoàn Ngọc V phải chịu tiền chi phí giám định 5.000.000 (Năm triệu) đồng, ghi nhận đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Ông Đoàn Ngọc V phải chịu số tiền 27.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Tổng cộng ông V phải chịu 27.550.000 đồng tiền án phí dân sự; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông V đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001282 ngày 19-8-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự N, tỉnh Tây Ninh. Ông Đoàn Ngọc V còn phải nộp 27.250.000 (hai mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự.

3.2. Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu số tiền 6.012.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện bà L đã nộp 18.400.000 đồng tại Biên lai thu số 0000524 ngày 11-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự N, tỉnh Tây Ninh. Bà Nguyễn Thị Mỹ L được hoàn trả lại số tiền 12.388.000 (mười hai triệu ba trăm tám mươi tám nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND thành phố Tây Ninh;
- CCTHADS thành phố Tây Ninh;
- Phòng KTNV & THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ; tập án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Ngàu